

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Light

ODILE OB

dép mái oả

Dép ODILE hàng đ[illegible] ar tổ[illegible]R, ESD, đế ngoài bằn g cao su và mặt trên thoáng khí, chúng hoàn hảo cho môi trường khô t oặc t

Những vật liệu cao cấp hơn	hành động da
lót bên trong i tái chế	lưới
trong Đ	SAU ĐÓ
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	OB / SRC, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
ng lượng t thép	0.260 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012

CE · ESD · OXYGRIP



BLK



WHT



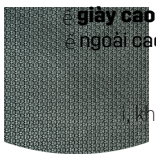
X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn hỏa hoạn do tích điện. [illegible] 00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng của giày bảo hộ an toàn và giày bảo hộ SRC phải vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ [illegible] giữ khô lâu hơn.



giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù hợp với [illegible] ứng dụng: khả năng chống cắt [illegible] năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng [illegible] và nhiều l



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân [illegible] mang. [illegible] ười

Công nghiệp **n:**
thuộ c v ề **y** h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn u	vị **đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn					
Top: khả năng thấm hơ ơ	? 0.8		1.2	ờ	mg/cm/g
Top: hi nuệ số h ơ	? 15		15.2		mg/cm2
ót bên trong i **tái** ch ế					
L ớp **lót:** thấm hơ ơ	? 2		28.7	ờ	mg/cm/g
lót: hi nuệ số h ơ	? 20		231.3		mg/cm2
rong Đ **SAU ĐÓ**					
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ **Philon/cao su**					
Ch ố n g trượt **mài mòn** ế ngoài (	? 150		111		mm
a đế ngoài **SRA:** gót chân	? 0.28		0.46		ma sát
a đế ngoài **SRA:** Phẳ n g	? 0.32		0.52		ma sát
a đế ngoài **SRB:** gót chân	? 0.13		0.14		ma sát
ộc đế ngoài **SRB:** phẳ n g	? 0.18		0.19		ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100		68		megaohm
Hấp thụ năng l ượ g củ gót chân	? 20		31		J

kích thước thép: 38

a chú ý Safety Jogger có thể thay đổi thông số kỹ thuật mà không cần thông báo trước. Nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn u	vị **đo** l	Đ ờn g q
i **CO2 phát** thả				
V ật l iệu		1.57		kg
Bao bì		0.10		kg
ất Sản x u		1.90		kg
Chuyên ch ở		0.26		kg
		3.82 kg CO2/ cặp		

Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ ờn g q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		5%	
Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] có thể thay đổi.